|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 41/2014/QĐ-UBND | *Quảng Nam, ngày 04 tháng 12 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nội dung ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển**

**hợp tác, liên kết sản xuất gắn tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn,**

**giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg**

**ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

**­­­**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 62/2013/TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 328/TTr-SNN&PTNT-CCPTNT ngày 20/10/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về nội dung ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 62/2013/TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** - Như Điều 2; | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH *(Đã ký)***  **Lê Phước Thanh** |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, giai đoạn 2014 - 2020 theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 41 / 2014/QĐ-UBND   
ngày 04 /12 /2014 của UBND tỉnh Quảng**Nam)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này áp dụng đối với sản xuất cây hàng năm trong nông nghiệp, cây dược liệu (trừ cây Sâm Ngọc Linh có quy định riêng) được các Sở, ngành liên quan của tỉnh khuyến cáo sản xuất trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp trong nước; hộ gia đình, cá nhân, trang trại (gọi chung là nông dân); hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là tổ chức đại diện của nông dân) có hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo nội dung Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức thực hiện các nội dung trong Quy định này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Cánh đồng lớn là cánh đồng có cách thức tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia.

2. Phương án cánh đồng lớn (sau đây gọi tắt là phương án): là phương án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn do doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân xây dựng, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các hình thức hợp tác, liên kết quy định trong Quyết định này bao gồm: hợp tác liên kết giữa nông dân, các tổ chức đại diện của nông dân, doanh nghiệp với nhau, được thực hiện bằng các hợp đồng cung cấp dịch vụ đầu vào gắn với sản xuất, tiêu thụ và chế biến nông sản, hoặc không cung cấp dịch vụ đầu vào, nhưng có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm theo các phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản là hợp đồng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (sau đây gọi là hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản) được ký kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ CỤ THỂ**

**Điều 4. Tiêu chí cánh đồng lớn**

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Phù hợp với các quy hoạch hoặc kế hoạch của địa phương, của tỉnh về: phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng đất; tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp; nông thôn mới và các quy hoạch khác.

b) Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất được thống nhất giữa các bên tham gia liên kết, phù hợp với loại cây trồng và đảm bảo các quy định về môi trường và phát triển sản xuất bền vững.

c) Có ít nhất một trong các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng sau đây:

c.1) Liên kết giữa doanh nghiệp cung ứng vật tư (đầu vào) và tiêu thụ nông sản (đầu ra), với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; liên kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện nông dân, hoặc nông dân để tiêu thụ nông sản.

c.2) Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân.

c.3) Liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của   
nông dân.

c.4) Liên kết sản xuất giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

*(Mẫu hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo Phụ lục 1, của Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

d) Quy mô diện tích tối thiểu của cánh đồng lớn và phương án cánh đồng lớn:

d1) Quy mô diện tích cánh đồng lớn: cánh đồng lớn phải có diện tích sản xuất liền vùng, liền thửa, có điều kiện tương tự để sản xuất cùng một loại nông sản và đạt diện tích tối thiểu được quy định cụ thể cho từng loại cây trồng: Cây lúa: lúa giống thuần 20 ha (riêng sản xuất hạt lúa lai F1: 10 ha), lúa thương phẩm: 30 ha; Cây ngô: ngô thương phẩm 10 ha, ngô giống: 5 ha; Cây rau các loại: 3 ha; Cây dược liệu: 2 ha; Cây công nghiệp ngắn ngày: 10 ha; Sắn nguyên liệu, cây có bột: 20 ha.

d2) Quy mô diện tích tối thiểu của Phương án cánh đồng lớn đối với doanh nghiệp: Cây lúa: Giống lúa thuần: 200 ha, giống lúa lai: 30 ha, lúa thương phẩm: 500 ha; Cây ngô: ngô thương phẩm: 100 ha, ngô giống: 50 ha; Cây rau các loại: 10 ha; Cây dược liệu: 5 ha; Cây công nghiệp ngắn ngày: 100 ha; Sắn nguyên liệu, cây có bột: 100 ha.

d3) Quy mô diện tích tối thiểu của phương án cánh đồng lớn đối với tổ chức đại diện nông dân: Diện tích tối thiểu của phương án cánh đồng lớn phải bằng ít nhất 50% so với phương án của doanh nghiệp.

2. Tiêu chí khuyến khích

a) Có hạ tầng kinh tế như hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và những công trình phục vụ sản xuất khác đáp ứng yêu cầu sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và từng bước cải thiện theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung.

b) Quy mô lớn tập trung và áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; công nghệ tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn: VietGAP, Global GAP…) và có cơ sở thu mua, bảo quản, chế biến nông sản gần nơi sản xuất.

**Điều 5. Về xây dựng kế hoạch cánh đồng lớn**

Căn cứ tiêu chí cánh đồng lớn quy định tại Điều 4, lợi thế của địa phương, cũng như dự báo thị trường về loại nông sản dự kiến sản xuất và nhu cầu xây dựng cánh đồng lớn của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) lập kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, xây dựng kế hoạch cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh. UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định, phê duyệt và công bố kế hoạch cánh đồng lớn.

Kế hoạch cánh đồng lớn phải ổn định tối thiểu trong vòng 10 năm; định kỳ 3 năm/lần, tổ chức kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh nếu cần thiết.

**Điều 6. Quy định về xây dựng phương án cánh đồng lớn**

1. Nội dung quy định xây dựng phương án được thực hiện theo Điều 5, Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT *(Mẫu đề cương xây dựng phương án kèm theo Phụ lục III của Thông tư này).* Phương án phải đảm bảo lộ trình thực hiện đối với cây hàng năm là 5 năm.

2. UBND tỉnh phê duyệt các phương án do doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân xây dựng, để triển khai thực hiện sản xuất cùng lúc một loại nông sản trên địa bàn của 02 huyện, thành phố trở lên. Các phương án có phạm vi thực hiện giới hạn trong một huyện, thành phố (địa bàn huyện), thì UBND tỉnh ủy quyền cho UBND cấp huyện phê duyệt các phương án này; trước khi phê duyệt, UBND cấp huyện phải gửi hồ sơ và phương án đến Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra và có văn bản thẩm định. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện/phòng Kinh tế thành phố là cơ quan giúp UBND cấp huyện phê duyệt các phương án được UBND tỉnh ủy quyền.

**Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư (sau khi thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản giữa các bên theo từng vụ sản xuất) cho các đối tượng quy định tại Điều 2, Quy định này.

2. Thực hiện hỗ trợ phải theo kế hoạch, dự toán kinh phí được UBND tỉnh phân bổ hàng năm trên cơ sở các phương án đã được phê duyệt.

3. Lồng ghép các nguồn vốn từ các cơ chế, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh để thực hiện các nội dung hỗ trợ.

4. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

**Điều 8. Nội dung và điều kiện để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp**

1. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

Ngoài các chính sách ưu đãi, hỗ trợ được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1, Điều 4, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, thì doanh nghiệp còn được hỗ trợ cụ thể như sau:

a) UBND cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu theo các cơ chế của tỉnh, nguồn vốn từ các chương trình, dự án và vốn chương trình xây dựng nông thôn mới để đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản tại cánh đồng lớn, tạo điều kiện để doanh nghiệp liên kết sản xuất trên các cánh đồng lớn được thuận lợi.

b) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, tổ chức lớp học; mức hỗ trợ được áp dụng theo Điều 5, Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Nam quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương (Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh). Mức hỗ trợ tối đa cho 01 phương án không quá 50 triệu đồng; quy mô của một lớp tập huấn tối đa không quá 50 học viên, tối thiểu 30 học viên.

2. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp phải có hợp đồng trực tiếp hoặc liên kết với các doanh nghiệp khác để cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất, gắn với mua nông sản của hộ nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân trong phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 9. Nội dung và điều kiện để hưởng ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức đại diện của nông dân**

1. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

Ngoài các chính sách ưu đãi, hỗ trợ được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1, Điều 5, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì tổ chức đại diện của nông dân còn được hỗ trợ cụ thể như sau:

a) Được UBND cấp huyện và UBND cấp xã ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình, dự án và vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới để xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản tại cánh đồng lớn.

b) Hỗ trợ tối đa 30% trong năm đầu và 20% năm thứ 2 chi phí thực tế về thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, thuê máy để thực hiện dịch vụ bảo vệ thực vật chung cho các thành viên tham gia sản xuất tại các cánh đồng lớn. Mức chi phí thực tế làm căn cứ tính hỗ trợ, nhưng không quá 600.000 đồng/ha/vụ đối với năm đầu và 400.000 đồng đồng/ha/vụ trong năm thứ 2.

Tổng mức hỗ trợ cho một phương án tối đa không quá 100 triệu đồng.

c) Cán bộ Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được tập huấn về công tác quản lý, hợp đồng kinh tế, kỹ thuật sản xuất do Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức. Nội dung hỗ trợ bao gồm chi phí về ăn, ở, mua tài liệu, thuê hội trường, thù lao giảng viên, các chi phí khác theo quy định hiện hành.

d) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân sản xuất theo hợp đồng giữa tổ chức đại diện của nông dân ký hợp đồng trực tiếp với nông dân, bao gồm chi phí về tài liệu, ăn, ở, đi lại, tổ chức lớp học; mức hỗ trợ được áp dụng theo Điều 5, Quyết định số 19/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa cho 01 phương án không quá 50 triệu đồng; quy mô của một lớp tập huấn tối đa không quá 50 học viên, tối thiểu 30 học viên*.*

2. Điều kiện hưởng ưu đãi, hỗ trợ.

a) Có hợp đồng và thực hiện cung ứng đầu vào cho sản xuất hoặc tổ chức sản xuất hoặc tiêu thụ nông sản cho các hộ thành viên và nông dân trên địa bàn.

b) Có phương án thực hiện các nội dung được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều này và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 10. Nội dung và điều kiện để hưởng hỗ trợ đối với nông dân**

1. Nội dung ưu đãi, hỗ trợ:

a) Được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật về sản xuất và thông tin thị trường miễn phí liên quan đến loại sản phẩm tham gia cánh đồng lớn.

b) Hỗ trợ một lần tối đa 30% chi phí mua giống cây trồng có phẩm cấp chất lượng từ giống xác nhận trở lên để gieo trồng vụ đầu tiên trong phương án, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/ha đối với cây lúa, cây ngô, sắn nguyên liệu và cây có bột (riêng giống lúa lai để sản xuất hạt F1, hỗ trợ không quá 1.000.000 đồng/ha); giống đậu phộng và cây công nghiệp ngắn ngày khác: hỗ trợ không quá 800.000 đồng/ha; hỗ trợ giống rau các loại và giống các loại cây dược liệu không quá 30% giá thực tế trong phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Được hỗ trợ 100% kinh phí lưu kho tại doanh nghiệp, thời hạn tối đa là 03 tháng trong trường hợp Chính phủ thực hiện chủ trương tạm trữ nông sản.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Hộ nông dân cam kết thực hiện sản xuất và bán nông sản theo đúng hợp đồng đã ký và được UBND cấp xã xác nhận.

**Điều 11. Kinh phí hỗ trợ**

Kinh phí hỗ trợ để thực hiện các nội dung nêu trên được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 7, Quyết định số 62/2013/TTg ngày 25/10/2013 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn.

Ngoài nguồn ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho các phương án cánh đồng lớn theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thành phố để thực hiện theo nguyên tắc như sau:

+ Phương án cánh đồng lớn thực hiện tại địa bàn các huyện, thành phố tự cân đối ngân sách thì đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%.

+ Phương án cánh đồng lớn thực hiện tại địa bàn các huyện, thành phố chưa tự cân đối ngân sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% đối với huyện đồng bằng và 100% đối với huyện miền núi.

UBND huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn ưu tiên sử dụng nguồn kinh phí ngân sách cấp mình và nguồn kinh phí tỉnh bổ sung có mục tiêu theo các cơ chế của tỉnh; nguồn vốn chương trình, dự án và vốn chương trình xây dựng nông thôn mới để bố trí kinh phí đối ứng và đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản tại “cánh đồng lớn”.

**Điều 12. Lập dự toán, phân bổ kinh phí hỗ trợ và quyết toán   
kinh phí**

1. Lập dự toán và phân bổ kinh phí hỗ trợ:

a) Căn cứ vào phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân lập kế hoạch triển khai và dự toán chi tiết gửi UBND cấp huyện tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 15/8 hàng năm (riêng năm 2014, trước 20/12) trình UBND tỉnh phê duyệt và phân bổ kinh phí cho các huyện, thành phố để hỗ trợ cho các đối tượng nêu ở Điều 2, Quy định này. Trường hợp phương án được UBND tỉnh phê duyệt, thì doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân lập kế hoạch triển khai và dự toán chi tiết (có xác nhận của UBND cấp huyện nơi có thực hiện phương án) gửi trực tiếp về Sở Nông nghiệp và PTNT.

b) Việc hỗ trợ đối với nông dân: Căn cứ hợp đồng *(mẫu hợp đồng ở Phụ lục I của Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT)* và biên bản nghiệm thu hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản được ký giữa doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân với nông dân, trong khuôn khổ các phương án trên địa bàn xã, phường, thị trấn (địa bàn xã), UBND cấp xã xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân, làm căn cứ xem xét hỗ trợ theo quy định.

UBND cấp huyện căn cứ vào việc xác thực hợp đồng nêu trên để hỗ trợ cho nông dân, hoặc cấp kinh phí cho UBND cấp xã (từ nguồn kinh phí được tỉnh phân bổ) trực tiếp hỗ trợ cho nông dân theo quy định.

2. Quyết toán kinh phí hỗ trợ:

Việc chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và nội dung hướng dẫn của Sở Tài chính về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ theo Quy định này.

**Chương III**

**KIỂM TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 13. Kiểm tra, giám sát, đánh giá**

Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan, cùng với UBND cấp huyện định kỳ tổ chức công tác kiểm tra, theo dõi, tổng hợp đánh giá, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

**Điều 14. Xử lý vi phạm hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ   
nông sản**

1. Các bên tham gia liên kết vi phạm hợp đồng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân, hộ nông dân đã nhận hỗ trợ của Nhà nước nhưng vi phạm hợp đồng liên kết đã ký với đối tác mà không có lý do chính đáng sẽ bị thu hồi và không được xét hỗ trợ ở năm tiếp theo.

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này đến các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của nông dân và nông dân.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch cánh đồng lớn và trình UBND tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương xây dựng phương án của doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân đề nghị; tiếp nhận, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án (đối với các phương án do UBND tỉnh phê duyệt), như quy định tại Khoản 3, Điều 4 và Điều 5, Thông tư 15/2014/TT-BNNPTNT.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân và nông dân tham gia cánh đồng lớn, trình HĐND tỉnh thông qua.

e) Chủ trì, phối hợp với địa phương, các cơ quan liên quan hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho nông dân, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy trình, thủ tục ký kết hợp đồng, thanh lý hợp đồng hoặc giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

f) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khác tham mưu UBND tỉnh xử lý các tranh chấp, vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các bên liên kết; kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi các hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với các bên vi phạm hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

g) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan, các địa phương thực hiện tốt chủ trương khuyến khích dồn điền, đổi thửa; hướng dẫn, tư vấn cho các bên tham gia liên kết thực hiện phương án.

h) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện phương án; báo cáo kết quả theo quy định 06 tháng, 01 năm về Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh. Hàng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn kinh phí sự nghiệp hằng năm của ngân sách tỉnh để thực hiện nội dung hỗ trợ.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, quy trình cấp phát vốn cho đối tượng hưởng lợi từ cơ chế, việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương và các đối tượng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện các nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức đại diện của nông dân, hộ nông dân thực hiện việc giao đất hoặc cho thuê đất, miễn tiền sử dụng đất hoặc miễn tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 và Khoản 1, Điều 5, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị liên quan tổ chức xúc tiến thương mại ngành hàng nông sản; xúc tiến đầu tư ngành nông nghiệp; chế biến, xuất khẩu hàng nông sản; triển khai các chương trình tạm trữ nông sản của Chính phủ.

6. Liên minh hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức vận động các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia đầu tư, xây dựng phương án trên địa bàn tỉnh.

7. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này cho các tổ chức, cá nhân ở địa phương; xây dựng kế hoạch thu hút doanh nghiệp, các tổ chức đầu tư, tham gia xây dựng phương án cánh đồng lớn.

b) Tổ chức rà soát, lập kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn huyện. Hàng năm, trước 15/8 (riêng năm 2014, trước ngày 20/12) tổng hợp kế hoạch, dự toán chi hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức đại diện của nông dân và nông dân có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, trình UBND tỉnh và báo cáo về các Bộ, ngành ở Trung ương theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp nhận, phê duyệt phương án (đối với các phương án được UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt) trên cơ sở có văn bản thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT.

d) Đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa; ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn, để tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng, các công trình hạ tầng phát triển sản xuất, cơ giới hóa trên các cánh đồng lớn, nhằm tăng nhanh hiệu quả sản xuất.

e) Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện phương án trên địa bàn huyện, thành phố; phối hợp với các Sở ngành, các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nội dung quy định.

f) Chỉ đạo, hướng dẫn phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế, phòng Tài chính - Kế hoạch, các đơn vị liên quan ở cấp huyện và UBND cấp xã tổ chức thực hiện nghiêm các nội dung Quy định này; hỗ trợ kinh phí quản lý, điều hành xây dựng cánh đồng lớn cho phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế và các phòng ban liên quan để triển khai thực hiện tốt quy định.

g) Định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

8. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy định này; vận động nhân dân tích cực tham gia các phương án; phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức thực hiện tốt các nội dung quy định.

b) Lập kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn xã báo cáo UBND cấp huyện để tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

c) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân lập và tổ chức triển khai phương án trên địa bàn xã.

d) Đẩy mạnh công tác dồn điền, đổi thửa; ưu tiên lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình phương án đầu tư trên địa bàn, để xây dựng hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng, các công trình hạ tầng phát triển sản xuất, cơ giới hóa… trên các cánh đồng lớn nhằm tăng hiệu quả sản xuất.

e) Xác nhận việc thực hiện hợp đồng của nông dân để làm căn cứ xem xét hỗ trợ theo Điểm b, Khoản 1, Điều 11 Quy định này.

9. Trách nhiệm các doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách hỗ trợ công khai cho nhân dân tham gia phương án.

b) Thực hiện đúng các quy định về xây dựng, triển khai thực hiện phương án tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT và các nội dung trong Quy định này.

c) Tập trung nguồn lực tự có để đầu tư hạ tầng phát triển sản xuất; bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật; nâng cao năng lực trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d) Thực hiện nghiêm túc và chịu trách nhiệm đối với nội dung hợp đồng đã ký kết.

e) Quản lý, sử dụng đất đai, kinh phí được ưu đãi, hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định, có hiệu quả.

10. Đề nghị UBMTTQVN, các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở và các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện tốt các nội dung tại Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc; các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | TM. ỦY BAN NHÂN DÂN **CHỦ TỊCH**  ***(Đã ký)***  **Lê Phước Thanh** |